

Bản án số: 506/2022/HS-PT

Ngày 19 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Ngô Tự Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Văn Biều, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 978/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2021/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Uông Văn H;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1986 tại Hải Dương; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Số 49/44 K, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Uông Văn T, sinh năm 1955 và bà Đinh Thị sinh năm 1960; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Nguyễn Ng, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/3/2006, bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/02/2008; Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/12/2020, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Tiến T;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại Hải Phòng; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã TT, huyện A, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Tiến M, sinh năm: 1960 (đã chết) và

bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/8/2009, bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm 06 tháng tù tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 11/9/2016; Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/12/2020, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Trung D** (tức Nguyễn Chung D); Sinh năm 1989 tại Hòa Bình (có tài liệu thể hiện sinh năm 1990); Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm S, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Đăng Th, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Lò Thị Xiêm, sinh năm 1997 (đã ly hôn); Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 06/6/2018 Nguyễn Trung D thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” có giá trị 1.250.000 đồng nhưng do chưa được xóa án tích về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án ngày 24/01/2014 nên ngày 14/9/2018 TAND huyện M, tỉnh Hòa Bình áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 06/12/2019.

Nhân thân:

+ Ngày 30/6/2007, TAND huyện M, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm xử phạt 36 tháng tù tội “Cố ý gây thương tích”, 06 tháng tù tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 42 tháng tù. Ngày 18/9/2007, TAND tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ phần bản án hình sự sơ thẩm của TAND huyện M và giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho VKSND huyện M để giải quyết việc điều tra lại theo thủ tục chung.

+ Ngày 25/12/2008, TAND huyện M, tỉnh Hòa Bình xử phạt 06 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 31/12/2008 TAND tỉnh Hòa Bình xử phạt 30 tháng tù tội “Cố ý gây thương tích”, 06 tháng tù tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 36 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù của hai bản án ngày 25/12/2008, ngày 31/12/2008 vào ngày 07/5/2011.

+ Ngày 24/4/2012, TAND huyện M, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 20/7/2013

+ Ngày 24/01/2014, Nguyễn Trung D thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” có giá trị 100.000 đồng nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên 30/6/2014 TAND huyện M, tỉnh Hòa Bình áp dụng điểm c khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 36 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2017.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 06/12/2020, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị cáo bị kháng nghị:*

Lê Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1986 tại Hòa Bình; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm Ô, xã TC, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông Lê Văn S, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1956; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/9/2013, bị TAND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2015; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 06/12/2020, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Uông Văn H:* Luật sư Nguyễn Thị Oanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến T:* Luật sư Tạ Ngọc Sơn và Luật sư Ngô Thành Ba thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D:* Luật sư Lại Thị Bích Liên thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H:* Luật sư Ngô Duy Đông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 05/12/2020, Tổ công tác của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định phối hợp với Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 1 Bộ tư lệnh Cảnh sát biển làm nhiệm vụ tại khu vực thôn Vị Dương, gần trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định phát hiện xe ô tô màu bạc BKS 35A-112.49 đang dừng có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã mời người làm chứng tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra trên xe ô tô có 03 người lần lượt khai tên là Nguyễn Trung D, sinh năm 1989; trú tại: Xóm S, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Lê Văn H, sinh năm 1986; trú tại: Xóm Ốc, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và Nguyễn Hải Hưng, sinh năm 1980; trú tại: Phố Nam Giang, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (là lái xe ô tô). Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ những đồ vật, tài liệu sau:

- Thu giữ trên tay trái Nguyễn Trung D đang cầm 01 túi nilông màu xanh bên trong đựng 01 thùng bìa cattông hình chữ nhật màu đen xám, xung quanh thùng bìa cuốn băng dính màu trắng và màu đen, bên trong thùng bìa cattông có 02 khối hình hộp chữ nhật bên ngoài được gói bằng nilông màu trắng trên bề mặt có chữ AAA màu xanh, bên trong là túi nilông màu xanh trên bề mặt có dòng chữ GUANYIN WANG được hút chân không, trong cùng là các hạt tinh thể rắn màu trắng (niêm phong ký hiệu M).

- Thu giữ trong túi áo ngực phía bên trái mà D đang mặc 01 gói nhỏ được gói bằng nilông màu đen, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng và 01 gói nilông màu đen bên trong có chứa 50 viên nén hình tròn màu đỏ, bên trên bề mặt mỗi viên nén đều có chữ WY (niêm phong ký hiệu là M1, M2).

Nguyễn Trung D và Lê Văn H tự khai nhận 02 khối hình hộp chữ nhật niêm phong ký hiệu M là 02 kg ma túy đá mà D và Lê Văn H đang trên đường vận chuyển về giao cho Uông Văn H, sinh năm 1986; trú tại: Số 49/44 K, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xong việc sẽ được trả công cho mỗi người là 20.000.000 đồng và Uông Văn H đang đợi trên chiếc xe ô tô màu trắng BKS 18A-192.48 ở khu vực thôn Vị Dương, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định. 02 gói nilông thu giữ trong túi áo của D, D tự khai nhận đó là 01 gói Heroine và 01 gói có 50 viên hồng phiến D cất giấu để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã mời người làm chứng và đưa Nguyễn Trung D, Lê Văn H về trụ sở Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong các vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tổ công tác còn thu giữ của Lê Văn H 01 điện thoại di động (ĐTDD) có số thuê bao 0343337957; Thu giữ của Nguyễn Trung D 02 ĐTDD (có các số thuê bao 0868860172, 0918944619), 01 chùm chìa khóa, 01 chiếc cặp vải, 01 vé gửi xe máy số 0178885 của Trung tâm y tế huyện Tân Lạc ngày 05/12/2020, 01 giấy chứng minh thư nhân dân (CMND) mang tên Nguyễn Trung D; thu giữ của Nguyễn Hải Hưng 01 xe ô tô BKS 35A-112.49, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hải Hưng, 01 đăng ký xe ô tô BKS 35A- 112.49 mang tên Nguyễn Mạnh Thủy, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô 35A-112.49

Qua đấu tranh nhanh với D và Lê Văn H, đồng thời Tổ công tác phát hiện chiếc xe ô tô màu trắng BKS 18A-192.48 đang đỗ tại khu vực cổng làng Vị Dương, thuộc thôn Vị Dương, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định trên xe có một nam thanh niên. Tiến hành kiểm tra, người này khai tên là Uông Văn H, sinh năm 1986; trú tại: Số 49/44 K, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Tổ công tác đã yêu cầu Uông Văn H về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, Uông Văn H khai nhận: Ngày 05/12/2020 Uông Văn H đưa 300.000.000 đồng cho Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989; trú tại: thôn Tây Nông Xá, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng mang lên Sơn La gặp đối tượng tên là Chu để mua 02 kg ma túy đá, đồng thời Uông Văn H thuê D, Lê Văn H vận chuyển số ma túy đá về Nam Định giao cho Uông Văn H để Uông Văn H bán lại cho người khác. Căn cứ tài liệu điều tra, CQĐT đã ra Lệnh giữ người, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Uông Văn H và Nguyễn Tiến T. Quá trình bắt, thu giữ của Uông Văn H 03 ĐTDD (có các số thuê bao 0338101722, 0825512222, 0903475339), 7.200.000 đồng, 01 CMND mang tên Uông Văn H, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Uông Văn H, 01 xe ô tô màu trắng BKS 18A-192.48, 01 bản sao đăng ký xe ô tô cùng 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 18A-192.48,

01 giấy biên nhận thể chấp của ngân hàng BIDV, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc. Thu giữ của T: 01 CCCD mang tên Nguyễn Tiến T, 02 ĐTDĐ có các số thuê bao 0328271289, 0906623686; 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xanh đen không có sim, T khai đã tháo chiếc sim số thuê bao 0816088780 trong điện thoại vứt đi.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trung D thu giữ trong ngăn kéo tủ cạnh giường trong phòng ngủ của D 106 viên nén hình tròn màu đỏ và 03 viên nén hình tròn màu xanh, trên bề mặt tất cả các viên nén đều có chữ WY; 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa 37 viên nén hình tròn màu đỏ và 02 viên nén hình tròn màu xanh, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY. D khai nhận đó là ma túy của D cất giấu mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật (ký hiệu K).

Khám xét chỗ ở của Lê Văn H thu giữ 01 CMND mang tên Lê Văn H.

Khám xét chỗ ở của Ông Văn H và Nguyễn Tiến T không thu giữ gì.

Tại Kết luận giám định số 1244/GĐKTHS ngày 10/12/2020 và số 1265/GĐKTHS ngày 14/12/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

+ Mẫu niêm phong ký hiệu M gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu M: 1898,720 gam.

+ Mẫu niêm phong ký hiệu M1, M2 gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy M1: Heroine, Khối lượng mẫu M1: 1,830 gam; Loại ma túy M2: Methamphetamine, Tổng khối lượng mẫu M2: 5,402 gam.

+ Mẫu niêm phong ký hiệu K gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine, Tổng khối lượng mẫu K: 14,768 gam.

Tại cơ quan điều tra, từ khi bị bắt đến 13/12/2020 Ông Văn H, Nguyễn Tiến T và trong suốt quá trình điều tra Nguyễn Trung D, Lê Văn H đều khai nhận: Lê Văn H quen biết với Ông Văn H và Nguyễn Trung D. Tháng 11/2020, Ông Văn H điện thoại cho Lê Văn H hỏi chỗ mua ma túy đá, Lê Văn H đồng ý và gọi điện thoại hỏi D, D bảo Lê Văn H có biết chỗ bán ma túy đá cứ dẫn khách lên đây D sẽ giới thiệu cho. Sau đó Ông Văn H cùng T đi xe taxi lên Hòa Bình qua nhà đón Lê Văn H và D. Sau đó D dẫn Ông Văn H, T, Lê Văn H đến gặp người bán ma túy là người đàn ông tên Chu, sinh năm 1975, nhà ở cạnh trường mầm non Co Tang, bản Co Tang, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, Chu sử dụng số điện thoại 0385996837. Tại nhà Chu, Ông Văn H và Chu trao đổi, thống nhất giá 01kg ma túy đá là 150.000.000 đồng. Sau đó Ông Văn H thuê D và Lê Văn H vận chuyển ma túy đá, Ông Văn H sẽ trả công cho mỗi người 10.000.000 đồng/01 kg còn T là người mang tiền đến giao cho Chu, nhận ma túy đá của Chu rồi giao lại cho D, Lê Văn H để vận chuyển về Nam Định giao cho Ông Văn H.

Trước đó qua bạn bè Ông Văn H biết và đã đến nhà người phụ nữ tên Hằng, khoảng 40 tuổi, nhà ở gần UBND phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định.

Ngày 02/12/2020 Hằng sử dụng số điện thoại 0946685622 gọi điện cho Ông Văn H hỏi mua 02kg ma túy đá, Ông Văn H đồng ý, thống nhất bán cho Hằng với giá 400.000.000 đồng. Lúc này Ông Văn H và T đang ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì Ông Văn H điện thoại cho Chu hỏi mua 02kg ma túy đá, Chu đồng ý. Tiếp đó, Ông Văn H gọi điện thoại cho T bảo T chuẩn bị đi cùng Ông Văn H ra Hà Nội có việc. Khoảng 14 giờ ngày 04/12/2020 Ông Văn H và T ra sân bay Tân Sơn Nhất để ra Hà Nội, trên đường đi Ông Văn H đưa cho T chiếc điện thoại Nokia có gắn sim điện thoại với số thuê bao 0816088780, trong máy đã lưu số điện thoại của Lê Văn H, D, Chu để T liên hệ. Khi đến Hà Nội, Ông Văn H và T thuê khách sạn để nghỉ, Ông Văn H gọi điện thoại thông báo cho D, Lê Văn H ngày mai đi cùng với T lên Sơn La nhận ma túy đá mang về Nam Định cho Ông Văn H thì Lê Văn H, D đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 05/12/2020, Ông Văn H đưa cho T 300.000.000 đồng và bảo T mang lên đưa cho Chu để mua 02kg ma túy đá, đồng thời Ông Văn H dặn T khi nào D và Lê Văn H nhận ma túy và rời khỏi nhà Chu thì thông tin cho Ông Văn H biết, còn T ở lại nhà Chu khi nào Ông Văn H thông báo đã nhận được ma túy thì T mới được rời khỏi nhà Chu. Sau đó Ông Văn H từ Hà Nội đi xe ô tô khách về huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thuê xe ô tô tự lái BKS 18A-192.48 để đón D và Lê Văn H mang ma túy về. Còn T thuê xe taxi lên Sơn La. Trên đường đi T liên lạc và đón Lê Văn H tại ngã ba Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình rồi cùng nhau đến nhà Chu, trên xe Lê Văn H gọi điện thoại cho D để đón D đi cùng nhưng D bảo sẽ đợi ở cổng bản Co Tang, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. D điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave BKS 28M1-089.46 đến điểm hẹn gặp, chở Lê Văn H và T vào nhà Chu. Trên đường đi vào nhà Chu, T nói với Lê Văn H và D lần này vận chuyển 02kg ma túy đá về Nam Định giao cho Ông Văn H, xong việc Ông Văn H sẽ trả công cho mỗi người như đã thỏa thuận từ trước là 20.000.000 đồng/02kg ma túy đá, Lê Văn H và D đều đồng ý. Khi gặp Chu, T đưa cho Chu 300.000.000 đồng, Chu nhận tiền rồi lấy 02 túi ma túy đá, bọc bên ngoài là lớp nilông màu xanh được hút chân không, trên bề mặt 02 túi này có in chữ AAA, Chu đặt số ma túy này lên chiếc cân loại 5kg. Lê Văn H, D, T đều nhìn thấy tổng khối lượng của 02 túi là 02 kg và bảo đây là 02 kg ma túy đá, cân xong Chu đưa cho T, T nhận rồi đưa cho D, D cầm 02 kg ma túy đá cho vào trong 01 thùng bìa catton, quấn băng dính bên ngoài rồi cho vào chiếc túi nilông màu xanh. Sau đó, D mang theo 02kg ma túy đá cùng Lê Văn H đi xe máy đến gửi tại nhà để xe Trung tâm y tế huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và gọi xe taxi đi về Nam Định. Trên đường đi Ông Văn H nhắn tin cho D thông báo: Ông Văn H đi xe ô tô màu trắng BKS 18A-192.48 và đợi D tại cổng làng Vị Dương, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định. D và Lê Văn H đi taxi mang theo 02 kg ma túy đá về đến thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thì xuống xe đổi sang xe taxi khác. D gọi điện cho Hưng là lái xe taxi D quen và thuê Hưng chở về địa điểm giao ma túy theo thông báo của Ông Văn H.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/12/2020 khi đi đến khu vực gần UBND phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định thì D, Lê Văn H nhìn thấy xe ô tô của Ông Văn H đang dừng đợi nên D bảo lái xe taxi dừng lại gần chiếc xe ô tô của Ông Văn H, D xuống xe taxi cầm theo 02 kg ma túy đá mục đích để mang giao ma túy cho Ông Văn H thì bị lực lượng công an kiểm tra, thu giữ như trên. Còn T ở lại nhà Chu đến chiều cùng ngày, T liên lạc điện thoại cho Ông Văn H, D, Lê Văn H nhưng không được, T nghĩ cả 03 người đã bị bắt giữ nên T gọi xe taxi đi khỏi nhà Chu. Trên đường đi T vào Google tra tìm thông tin “bắt ma túy mới nhất ở Nam Định”, “bắt ma túy ở Nam Định hôm nay” để xem Ông Văn H có bị bắt không nhưng không có kết quả. T tháo chiếc sim điện thoại 0816088780 trong chiếc máy điện thoại mà Ông H đưa cho vứt đi để che giấu việc liên lạc với Ông Văn H, D, Lê Văn H, Chu (T không nhớ địa điểm vứt sim). Sau đó T bảo lái xe taxi chở ra sân bay Nội Bài để đi vào Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 06/12/2020 thì T bị cơ quan công an giữ người trong trường hợp khẩn cấp tại UBND phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, Nguyễn Trung D và Lê Văn H còn khai nhận: Trước ngày bị bắt khoảng hơn 01 tuần, Ông Văn H đã điện thoại cho D và Lê Văn H thuê D và Lê Văn H vận chuyển 01kg ma túy đá về Nam Định giao cho Ông Văn H, tiền công như đã thỏa thuận từ trước là 10.000.000 đồng/01kg ma túy đá/01 người, D và Lê Văn H đồng ý. Hôm sau Lê Văn H đi xe ô tô buýt đến nhà D, D lấy xe máy chở Lê Văn H đến nhà Chu. Khi đến nhà Chu thì D và Lê Văn H thấy T đã ở đó, T đưa cho D 01 gói ma túy đá, D cầm và biết đó là 01 kg ma túy đá, số ma túy có đặc điểm: Bên ngoài là lớp túi nilông màu xanh, được hút chân không trên bề mặt có in chữ AAA và có hình 05 ngôi sao (tương tự như gói ma túy thu giữ khi bắt), D cất 01 kg ma túy đá vào chiếc túi nilông màu đỏ. Sau đó D và Lê Văn H đi xe máy mang theo 01 kg ma túy đá rời khỏi nhà Chu còn T ở lại nhà Chu. Với cách thức di chuyển như lần bị bắt, khi đến bệnh viện huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, D, Lê Văn H gửi xe máy tại nhà xe của bệnh viện rồi thuê xe ô tô taxi tiếp tục đi đến huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thì xuống xe, D thuê xe ô tô taxi khác để đi về thành phố Nam Định. Trên đường đi, Ông Văn H nhắn tin cho D bảo mang ma túy đá về khu vực cổng làng Vị Dương, thành phố Nam Định để giao cho Ông Văn H, Ông Văn H đang đợi trên xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu đen BKS có 02 số đầu là 18A (D không nhớ các số sau). Tiếp đó, Ông Văn H điện thoại cho D bảo D và Lê Văn H sau khi giao ma túy đá xong tối sẽ ở lại thành phố Nam Định chơi nhưng Lê Văn H nói có việc nên giao xong ma túy Lê Văn H sẽ về trước. Khi ô tô taxi đến cổng làng Vị Dương, thành phố Nam Định thì D, Lê Văn H thấy xe ô tô của Ông Văn H đã dừng đợi sẵn, D bảo lái xe taxi dừng ngay phía sau xe ô tô của Ông Văn H, Lê Văn H ngồi lại trên taxi quay về Hòa Bình luôn còn D xuống xe, cầm túi nilông màu đỏ trong có 01 kg ma túy đá vào trong xe ô tô giao cho Ông Văn H, Ông Văn H đưa cho D 20.000.000 đồng tiền công (trong đó tiền công của Lê Văn H là 10.000.000 đồng). Khi ngồi trên xe ô tô của Ông Văn H thì

D nghe thấy Ông Văn H gọi điện thoại cho người phụ nữ tên Len, Ông Văn H nói với Len “chị mở cửa cho em”. Sau đó xe ô tô đỗ trước một nhà, Ông Văn H xuống xe cầm túi nilông màu đỏ trong có 01kg ma túy đá đã nhận của D đi vào nhà chị Len (D không nhớ cụ thể nhà nào). Khoảng 30 phút sau Ông Văn H quay lại xe thì không thấy Ông Văn H cầm túi nilông màu đỏ trong có 01 kg ma túy đá nữa. Ông Văn H nói với D là T đã về đến thành phố Nam Định nên sẽ đi đón T để cùng nhau đi chơi. Khi đón được T, Ông Văn H đưa D, T đến quán hát Karaoke ở thành phố Nam Định (D không nhớ tên, địa chỉ của quán), vào trong quán hát D gặp một người đàn ông, Ông Văn H giới thiệu đó là anh D chồng chị Len, anh D đã thuê phòng hát sẵn. Ông Văn H, D, T vào phòng hát và sử dụng ma túy đá, thuốc lắc do Ông Văn H mang đến. Ngày hôm sau D về nhà gặp đưa lại cho Lê Văn H 10.000.000 đồng tiền công mà Ông Văn H trả cho việc vận chuyển 01 kg ma túy đá. Về số ma túy thu giữ trong túi áo khoác của D và thu giữ khi khám xét nhà ở của D là D mua của Chu khi lên nhận ma túy để vận chuyển cho Ông Văn H lần đầu tiên với giá 2.500.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân, sau khi mua D đã mang về nhà cất giấu và ngày 05/12/2020 D lấy một ít mang theo người để sử dụng thì bị bắt giữ như trên.

Quá trình điều tra tiếp theo Ông Văn H phủ nhận các lời khai trước đó. Cụ thể: Khoảng tháng 9/2020 Ông Văn H quen Chu qua mạng xã hội facebook (Ông Văn H khai không nhớ ảnh đại diện facebook của Chu), chưa gặp mặt Chu lần nào, chưa lên nhà Chu, không biết địa chỉ nơi ở của Chu. Ông Văn H vay của Chu 300.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày, mục đích vay để cho một số bạn bè vay lại nhưng không lấy lãi (H khai không nhớ tên những người vay tiền). Ông Văn H nhận 300.000.000 đồng tiền vay của Chu qua cửa hàng thế giới di động gần nơi Ông Văn H ở trọ tại khu công nghiệp Phú Mỹ, đường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên ngày 05/12/2021 Ông Văn H đưa 300.000.000 đồng cho T không phải để mua ma túy mà để T trả nợ cho Chu, đến thời điểm bị bắt Ông Văn H chưa lần nào trả tiền lãi cho Chu. Ông Văn H, không cùng T, D, Lê Văn H lên nhà Chu để bàn bạc mua bán ma túy, không thuê D và Lê Văn H vận chuyển 02 kg ma túy đá về khu vực làng Vị Dương, thành phố Nam Định, không thỏa thuận bán 02kg ma túy đá cho người phụ nữ tên Hằng với giá 400.000.000 đồng. Trước ngày 05/12/2020 Ông Văn H không liên lạc với Lê Văn H mà chỉ liên lạc với D để hỏi thăm sức khỏe.

Còn Nguyễn Tiến T thay đổi lời khai nhận với nội dung: T vẫn thừa nhận việc cùng Ông Văn H, D, Lê Văn H lên nhà Chu ở Sơn La chơi nhưng không biết việc Ông Văn H giao dịch mua bán ma túy, Ông Văn H không phân công nhiệm vụ cho từng người, không phân công T mang tiền lên giao cho Chu để mua ma túy. Ngày 05/12/2020 khi D đi xe máy chở T và Lê Văn H vào nhà Chu, T không nói với D và Lê Văn H lần này vận chuyển 02kg ma túy đá, tại nhà Chu T không giao ma túy đá cho D. Việc Ông Văn H đưa 300.000.000 đồng cho T để mang lên Sơn La giao cho Chu thì T không được Ông Văn H nói cụ thể mục đích đưa cho

Chu để làm gì. Khi đưa tiền cho Chu thì T thấy Chu để 02 túi nilông màu xanh đặt lên chiếc cân, T thấy cân chỉ khối lượng 02kg thì mới nghĩ 02 túi nilông màu xanh là ma túy đá và số tiền 300.000.000 đồng là tiền Ông Văn H mua ma túy đá, Chu cân xong thì đưa luôn cho D.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Lê Văn H, D với Ông Văn H; Lê Văn H, D với T. Kết quả: Lê Văn H và D vẫn giữ nguyên những nội dung đã khai báo suốt quá trình điều tra; T, Ông Văn H giữ nội dung khai báo như đã thay đổi ở trên. Mặt khác, khi giao kết luận điều tra và ở giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát phúc cung bị can Lê Văn H thay đổi, phủ nhận các lời khai trước đó cho rằng ngày 05/12/2020 Lê Văn H đi chơi cùng D, không liên quan đến số ma túy bị bắt quả tang và không vận chuyển thuê ma túy cho Ông Văn H lần nào.

Tuy nhiên, những tài liệu điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra cho thấy Nguyễn Trung D và Lê Văn H đã 02 lần nhận ma túy đá từ T rồi vận chuyển về Nam Định giao cho Ông Văn H, lần 1 là 01 túi ma túy đá, lần 2 là 02 túi ma túy đá. Như vậy, khối lượng ma túy lần 1 sẽ bằng 1/2 khối lượng ma túy lần 2 mà cơ quan công an thu giữ ngày 05/12/2020.

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKS-P1 ngày 04/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố Ông Văn H, Nguyễn Tiến T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Trung D về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 và điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố Lê Văn H về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2021/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo: Ông Văn H và Nguyễn Tiến T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Nguyễn Trung D phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Lê Văn H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Tiến T.

Xử phạt Ông Văn H Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Tiến T Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trung D Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trung D 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2020.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc Nguyễn Trung D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Văn H tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Uông Văn H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Nguyễn Tiến T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Nguyễn Trung D 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Lê Văn H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Uông Văn H có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan; Các bị cáo Nguyễn Tiến T và Nguyễn Trung D có đơn kháng cáo đề nghị được giảm hình phạt.

Ngày 05/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có Quyết định kháng nghị số 1198/QĐ-VKS-P1 đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn H lên mức tử hình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Uông Văn H và bị cáo Nguyễn Trung D tự nguyện xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Tiến T thừa nhận có việc được Uông Văn H nhờ mang số tiền 300.000.000 đồng để giao cho Chu tại Sơn La, nhưng H không nói là tiền gì, chỉ đến khi thấy thấy Chu ra ngoài sau đó cầm về một túi nilong màu đen và đem lên cân thì lúc đó bị cáo mới nghĩ đó là ma túy. Ngoài ra, không có việc bị cáo tham gia mua bán ma túy lần trước đó, bị cáo chỉ đi cùng Uông Văn H lên Sơn La để đòi nợ. Bị cáo xác định có phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến mức độ, vai trò tham gia đồng phạm của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả, đồng thời xác định lời khai tại phiên tòa và những lời khai trước tại Cơ quan điều tra là đúng, việc bị cáo thay đổi lại lời khai khi Viện kiểm sát tiến hành phúc cung là do lúc đó bị cáo suy nghĩ chưa thấu đáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo trên cơ sở khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Uông Văn H và Nguyễn Trung D tự nguyện xin rút toàn bộ đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348

Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Ông Văn H và Nguyễn Trung D.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tiến T: Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định bị cáo đã 02 lần tham gia mua bán trái phép chất ma túy và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 2.848,08 gam Methamphetamine. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt tử hình đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là tương xứng với tính chất, mức độ, và vai trò của bị cáo trong vụ án. Tại cấp phúc thẩm, không có thêm tình tiết mới, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Lê Văn H: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên; trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và là mắt xích không thể thiếu trong đường dây mua bán trái phép chất ma túy. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định xử tăng hình phạt đối với bị cáo lên mức tử hình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến T trình bày quan điểm: Luật sư không tranh luận về tội danh của bị cáo, tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Trung D về việc bị cáo T tham gia mua bán trái phép chất ma túy chuyển thứ nhất vào cuối tháng 11/2020 để từ đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy của cả 02 lần mua bán trái phép là 2.848,08 gam Methamphetamine là không có cơ sở. Trong vụ án này bị cáo T làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Ông Văn H và không được hưởng lợi; bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; gia đình bị cáo thuộc diện có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở khoan hồng, nhân đạo của pháp luật để xem xét xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù chung thân.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn H trình bày quan điểm: Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ và bị cáo đã thừa nhận nên Luật sư không tranh luận về tội danh, điều luật được áp dụng đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; bản thân bị cáo có nhận thức pháp luật hạn chế, H cảnh gia đình khó khăn, cha đã chết, mẹ già yếu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên mức hình phạt tù chung thân đối với bị cáo để bị cáo có cơ hội được sống, được cải tạo.

Sau khi nghe trình bày của các bị cáo và quan điểm bào chữa của các luật sư, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cấp phúc thẩm, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh làm rõ về họ tên và năm sinh của bị cáo Nguyễn Trung D. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung D xác định các thông tin xác minh bổ sung là đúng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ông Văn H và Nguyễn Trung D tự nguyện xin rút toàn bộ đơn kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Ông Văn H và Nguyễn Trung D theo quy định tại khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Ông Văn H, Nguyễn Trung D, Nguyễn Tiến T và Lê Văn H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với diễn biến lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 05/12/2020, Ông Văn H đưa 300.000.000 đồng cho Nguyễn Tiến T mang lên giao cho đối tượng Chu ở xã Lóng Luông, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La để mua 02 túi ma túy đá có tổng khối lượng là 1898,720 gam Methamphetamine và thuê Nguyễn Trung D, Lê Văn H vận chuyển số ma túy trên từ Sơn La về Nam Định giao lại cho Ông Văn H. Tiền công Ông Văn H thỏa thuận để Nguyễn Trung D, Lê Văn H vận chuyển ma túy là 20.000.000 đồng/01 người. Quá trình vận chuyển ma túy, Nguyễn Trung D, Lê Văn H bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 05/12/2020 tại khu vực gần UBND phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra các bị cáo còn khai nhận vào ngày 25/11/2020 với cách thức tương tự, Ông Văn H, Nguyễn Tiến T đã mua của đối tượng Chu 01 túi ma túy đá (bằng 1/2 số ma túy cơ quan công an thu giữ ngày 05/12/2020, tương đương với khối lượng 949,36 gam Methamphetamine) rồi thuê Nguyễn Trung D và Lê Văn H vận chuyển về giao cho Ông Văn H tại thành phố Nam Định để lấy tiền công 10.000.000 đồng mỗi người. Do đó, Nguyễn Tiến T, Lê Văn H đều phải chịu trách nhiệm hình sự của cả 02 lần mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 2.848,08 gam Methamphetamine.

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử Nguyễn Tiến T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố, xét xử Lê Văn H về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tiến T, Lê Văn H thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bản thân các bị cáo đều nhận thức được hành vi mua

bán, vận chuyển trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm và Bộ luật hình sự quy định hình phạt về tội phạm này rất nghiêm khắc nhưng các bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay cho tệ nạn ma túy phát triển, gây hậu quả xấu trong đời sống nhân dân, bị dư luận xã hội bất bình, đáng phải lên án và đòi hỏi phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo thì mới có tác dụng tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy nói chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Tiến T, Lê Văn H đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo có thời điểm thay đổi lời khai ban đầu tại Cơ quan điều tra nhưng tại các phiên tòa đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thể hiện rõ sự ăn năn, hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tiến T: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo là người thực hành tích cực, hai lần tham gia mua ma túy với đối tượng Chu tại Sơn La, tại lần thứ hai bị cáo là người trực tiếp giao dịch, chuyển tiền và nhận ma túy từ đối tượng Chu, vì vậy bị cáo giữ vị trí, vai trò thứ hai chỉ sau bị cáo Uông Văn H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, không thêm có tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tiến T.

[6] Xét Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn H: Bị cáo có nhân thân xấu, tương tự như đối với trường hợp của bị cáo Nguyễn Tiến T (bị cáo Lê Văn H đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”). Tuy nhiên qua đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án thấy rằng bị cáo Lê Văn H là kẻ dẫn đường và thông qua Nguyễn Trung D (là kẻ biết đối tượng Chu có ma túy bán) đã chấp nối giao dịch giữa người mua, người bán ma túy với động cơ, mục đích để được thuê vận chuyển trái phép chất ma túy lấy tiền công. Bị cáo không trực tiếp giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, nhận ma túy từ đối tượng Chu và nhận tiền công vận chuyển ma túy từ Uông Văn H, mọi hành vi thực hiện tội phạm đều thông qua Nguyễn Trung D. Do đó, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Văn H có vị trí, vai trò thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án để từ đó quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt tù chung thân là có căn cứ, đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật, đồng thời thể hiện rõ tính nhân văn và bản chất khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định và đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn H.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Tiến T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Uông Văn H và Nguyễn Trung D.

Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2021/HSST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Uông Văn H và Nguyễn Trung D kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến T.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1198/QĐ-VKS-P1 ngày 05/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2021/HSST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tiến T và Lê Văn H, cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T Tù hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2.3. Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Văn H tù Chung thân. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Văn H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Uông Văn H, Nguyễn Trung D, Nguyễn Tiến T được gửi đơn lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tiên T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Ngô Tự Học

Phạm Văn Tuyển

Phùng Hải Hiệp

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; VP; P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Phùng Hải Hiệp